

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ NGÃ NĂM
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 61/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 19-7-2023
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGÃ NĂM – TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Vàng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Văn Thái
Ông Nguyễn Văn Tân

- Thư ký phiên tòa: Bà Thạch Thị Diễm Trinh, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Lê Ngọc Niềm - Kiểm sát viên.

Trong ngày 19 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 119/2023/TLST - HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2023 về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 121/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 6 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 126/2023/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Trịnh P, sinh năm 1981 (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp V, xã Q, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn: Bà Đỗ (Đỗ) A, sinh năm 1979 (Vắng mặt)

Địa chỉ thường trú: Ấp V, xã Q, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

Địa chỉ liên lạc: Khóm C, Phường G, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1/ Theo đơn khởi kiện lập ngày 03/5/2019, quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn ông Trịnh P trình bày:

Ông và bà Đỗ A có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn vào ngày 03/9/2008 tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện N (nay là thị xã N), tỉnh Sóc Trăng. Thời gian đầu khi mới sống chung với nhau thì vợ chồng ông sống rất vui vẻ, hạnh phúc, thời gian về sau ông và bà A phát sinh nhiều mâu thuẫn cãi vã, do bất đồng quan

điểm trong cuộc sống, hai vợ chồng ông đã từng ly thân thời điểm trước đây, ly thân ba năm rồi sống chung lại nhưng vợ ông vẫn không thay đổi tính tình nên ông và bà A đã ly thân với nhau từ năm 2018 đến nay. Nay ông giữ nguyên yêu cầu ly hôn với bà Đỗ A.

Về con chung: Ông và bà A có hai con chung tên Trịnh B, sinh ngày 30/6/2004 và cháu Trịnh V, sinh ngày 14/12/2010, cháu B hiện nay đã trưởng thành, có công việc ổn định tự nuôi sống bản thân nên ông không có yêu cầu gì; còn cháu V hiện nay đang sống chung với mẹ cháu và bà ngoại, theo nguyện vọng của cháu V cũng muốn sống với bà A và bà ngoại cháu nên ông đồng ý giao cháu V cho bà A, ông tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) đến trưởng thành đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung, nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ và chồng: Không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

2/ Bị đơn bà Đỗ (Đỗ) A đã được Tòa án thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn không trình bày ý kiến gửi đến Tòa án, cũng không đến Tòa án tham gia phiên tòa.

3/ Theo biên bản ghi ý kiến nguyện vọng của con chung cháu Trịnh V, sinh ngày 14/12/2010 có sự chứng kiến của bà ngoại tên Trần Đ, cháu V trình bày:

Cháu là con của ông Trịnh P và bà Đỗ A, cháu hiện nay đang học hết lớp 7 tại trường Trung học cơ sở Phường G, thị xã N. Cháu đang sống chung với mẹ và bà ngoại tại khóm C, Phường G, thị xã N, việc cha mẹ cháu ly hôn thì cháu có nghe mẹ cháu nói lại, cháu có nguyện vọng được sống với mẹ cháu nếu cha mẹ ly hôn.

4/ Tại phiên tòa, vị Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ và đưa vụ án ra xét xử đúng trình tự thủ tục của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đúng thành phần, thực hiện đầy đủ các thủ tục, trình tự khi xét xử vụ án. Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Còn bị đơn vắng mặt không rõ lý do là chưa chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Kiểm sát viên phát biểu về tính có căn cứ và yêu cầu của nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 55, 56, 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận cho ông P được ly hôn với bà A. Về con chung: Cháu B đã trưởng thành, đủ khả năng lao động tự nuôi sống bản thân nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét; Giao cháu V cho bà A nuôi dưỡng. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: bà A không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nhưng ông P tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu V mỗi tháng 2.000.000 đồng nên ghi nhận ý kiến này của ông P; Dành quyền thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung cho ông P theo quy định của pháp luật. Về nợ chung, tài sản chung và nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn, các đương sự không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn bà Đỗ (Đỗ) A đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không rõ lý do. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt bà A.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông Trịnh P và bà Đỗ A được cha mẹ hai bên tổ chức đám cưới và đến ngày 03/9/2008 ông P và bà A là những người có đầy đủ điều kiện kết hôn, ông bà tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn. Do vậy quan hệ hôn nhân giữa ông P và bà A là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Trong cuộc sống hôn nhân giữa ông P và bà A, theo ông P cho rằng đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, vợ chồng ông bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng ông đã hàn gắn nhiều lần nhưng vẫn không thể hàn gắn nên ông quyết định ly thân với bà A từ năm 2018 cho đến nay. Còn bà A đã được Tòa án thông báo về việc ông P yêu cầu ly hôn với bà nhưng từ khi thụ lý vụ án đến khi mở phiên tòa vẫn không có ý kiến. Xét thấy, nền tảng của mối quan hệ hôn nhân vững chắc là việc vợ chồng yêu thương nhau, quan tâm, chăm sóc nhau, tin tưởng và tôn trọng lẫn nhau. Trong cuộc sống vợ chồng của ông P và bà A đã không còn sự quan tâm dành cho nhau, tình trạng mâu thuẫn giữa ông P và bà A là trầm trọng không thể khắc phục. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông P, cho ông P được ly hôn với bà A.

[3] Về con chung: Ông Trịnh P và bà Đỗ A có hai con chung tên Trịnh B, sinh ngày 30/6/2004 và cháu Trịnh V, sinh ngày 14/12/2010, theo ông P trình bày thì hiện nay cháu B đã trưởng thành, đang đi làm thuê, đủ khả năng lao động, các đương sự không ai có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Còn cháu V theo biên bản ghi ý kiến nguyện vọng của cháu thì cháu V trình bày từ khi cha mẹ không còn sống chung thì cháu sống với mẹ và bà ngoại, nếu cha mẹ ly hôn thì cháu có nguyện vọng sống với mẹ (bà A). Cháu V hiện nay trên 07 tuổi nên theo quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 thì con đủ 07 tuổi trở lên phải xem xét nguyện vọng của con. Xét thấy, hiện nay cháu V đang được bà ngoại của cháu trông nom, cháu V mong muốn sống với mẹ sau khi cha mẹ ly hôn, ông P cũng có thống nhất giao cháu V cho bà A nuôi dưỡng. Để đảm bảo môi trường sống của cháu V được ổn định không bị xáo trộn về mặt tâm lý cũng như điều kiện chăm sóc nuôi dưỡng. Căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử quyết định giao cháu V cho bà A tiếp tục nuôi dưỡng đến đủ 18 (*mười tám*) tuổi. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định pháp luật cho ông Trịnh P.

[4] Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Bà A không thể hiện yêu cầu ông P phải cấp dưỡng nuôi con chung nhưng tại phiên tòa ông P tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu V đến tròn 18 tuổi, mỗi tháng 2.000.000 đồng nên Hội đồng xét xử ghi

nhận ý kiến này của ông P. Buộc ông P có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Trịnh V, sinh ngày 14/12/2010 đến 18 (mười tám) tuổi, cấp dưỡng hàng tháng, mỗi tháng 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng), thời gian bắt đầu cấp dưỡng là ngày 19/7/2023.

[5] Về tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng sau khi ly hôn: Các đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Ông Trịnh P phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng và án phí cấp dưỡng 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0006599 ngày 22/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm nên ông P phải nộp thêm tiền án phí là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

[7] Đề nghị của Kiểm sát viên Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm về hướng giải quyết vụ án nêu trong phần nội dung vụ án là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 266; Điều 271, Điều 273, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; khoản 2 Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*** Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trịnh P.

1/ Về quan hệ hôn nhân: Ông Trịnh P được ly hôn với bà Đỗ A (Đỗ A).

2/ Về con chung: Giao cháu Trịnh V, sinh ngày 14/12/2010 cho bà Đỗ A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến đủ 18 (mười tám) tuổi. Ông Trịnh P có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định của pháp luật.

3/ Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Buộc ông Trịnh P cấp dưỡng nuôi cháu Trịnh V, sinh ngày 14/12/2010, mỗi tháng được cấp dưỡng số tiền 2.000.000đ (Hai triệu đồng), cấp dưỡng hàng tháng, thời gian bắt đầu cấp dưỡng từ ngày 19/7/2023 đến khi cháu V đủ 18 (mười tám) tuổi.

4/ Về tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn: Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

5/ Về án phí sơ thẩm: Ông Trịnh P phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng và chịu án phí cấp dưỡng là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0006599 ngày 22/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng. Như vậy, ông Trịnh P phải nộp thêm số tiền án phí là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Bà Đỗ A không phải chịu án phí.

6/ Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án tại Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đương sự cư trú.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND thị xã Ngã Năm;
- CCTHADS thị xã Ngã Năm;
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- UBND xã Q, TXNN;
- Lưu VT, Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Đã ký tên và đóng dấu**

Đặng Thị Vàng